

Số: 13/2021/QĐST-DS

Ba Vì, ngày 02 tháng 3 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ

V/v: “Yêu cầu tuyên bố một người mất tích”

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA VÌ, TP. HÀ NỘI

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông: Hoàng Trọng Đức

Thư ký phiên họp: Bà: Nguyễn Thị Quyên

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Vì, TP. Hà Nội tham gia phiên họp:
Bà Lê Thị Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 3 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Vì, TP. Hà Nội mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 59/2020/ST- DS ngày 08 tháng 10 năm 2020 về việc “Yêu cầu tuyên bố một người mất tích” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 02/2020/QĐPH-ST ngày 24 tháng 02 năm 2021, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

** Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

- Bà Bùi Thị K, sinh năm 1932

Địa chỉ: Thôn X, xã Y, huyện BV, TP. Hà Nội.

Ủy quyền cho: Chị Phùng Thị L, sinh năm 1967

Địa chỉ: Thôn X, xã Y, huyện BV, TP. Hà Nội

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Anh Phùng Ngọc T, sinh năm 1975

Cùng địa chỉ: Thôn X, xã Y, huyện BV, TP. Hà Nội.

(Chị Lộc xin vắng mặt)

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Tại đơn yêu cầu và các lời khai bà Bùi Thị K trình bày: Bà là mẹ đẻ của anh Phùng Ngọc T. Anh T sống cùng bà K tại thôn Cộng Hòa, xã Thái Hòa. Từ năm 1995 anh T đi làm ăn xa, kể từ đó đến nay gia đình mất hoàn toàn liên lạc với anh T. Gia đình bà đã đi tìm kiếm nhiều nơi nhưng không có tin tức gì. Trước khi biệt tích anh Tú vẫn chưa kết hôn, chưa có con và không có nhược điểm gì về thể chất và tâm thần.

Tại Biên bản xác minh ngày 19/01/2021, Công an xã Thái Hòa, huyện Ba Vì, TP. Hà Nội cung cấp: Anh Phùng Ngọc T có hộ khẩu thường trú tại: Thôn Cộng Hòa, xã Thái Hòa, huyện Ba Vì, TP. Hà Nội. Anh T bỏ đi khỏi địa phương từ năm 1995, kể từ đó đến nay, gia đình và địa phương không có tin tức gì về anh T.

Tại phiên họp hôm nay, đại diện Viện kiểm sát có quan điểm:

Về tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Ba Vì đã tuân thủ đúng và đầy đủ theo trình tự tố tụng quy định.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị tuyên bố anh Phùng Ngọc T - sinh năm 1975, nơi cư trú cuối cùng: Thôn Cộng Hòa, xã Thái Hòa, huyện Ba Vì, TP. Hà Nội mất tích.

Về lệ phí: Bà Bùi Thị K được miễn lệ phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Ba Vì, TP. Hà Nội nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Phùng Ngọc T có hộ khẩu thường trú và nơi cư trú cuối cùng trước khi biệt tích: Thôn Cộng Hòa, xã Thái Hòa, huyện Ba Vì, TP. Hà Nội; theo khoản 3 Điều 27, khoản 2 Điều 35, điểm b khoản 2 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ba Vì. Người đại diện theo ủy quyền của người yêu cầu có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt; căn cứ khoản 2 Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành mở phiên họp.

[2] Về nội dung vụ việc: Anh Phùng Ngọc T đã bỏ đi khỏi địa phương từ năm 1995, không khai báo với chính quyền địa phương. Kể từ năm 1995 cho đến nay, không ai biết anh Tú ở đâu, làm gì, còn sống hay đã chết. Gia đình anh T đã tiến hành tìm kiếm anh T nhiều nơi nhưng không có kết quả. Căn cứ Điều 388 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Điều 68 Bộ luật Dân sự, Tòa án nhân dân huyện Ba Vì đã ra Quyết định thông báo tìm kiếm người bị yêu cầu tuyên bố mất tích đối với anh Phùng Ngọc T và đăng thông báo tìm

kiểm trên cổng thông tin điện tử của Tòa án ngày 09/10/2020, đăng trên các phương tiện thông tin đại chúng, cụ thể: đăng trên báo Công lý ba số liên tiếp số 84 (1831) ngày 16/10/2020, số 85 (1832) ngày 21/10/2020, số 86 (1833) ngày 23/10/2020, phát trên Đài Tiếng nói Việt Nam khung giờ 17 giờ 30 phút các ngày 22, 23, 24/10/2020, nhưng đến nay đã hết thời hạn 04 tháng, kể từ ngày đăng, phát thông báo đầu tiên vẫn không có tin tức gì về anh T. Như vậy, tính đến thời điểm hiện tại, anh T đã biệt tích hơn 25 năm và không có tin tức. Vì vậy căn cứ Điều 68 Bộ luật Dân sự chấp nhận đơn yêu cầu của bà Bùi Thị K về việc “Yêu cầu tuyên bố anh Phùng Ngọc T mất tích”.

[3] Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Bà Bùi Thị K được miễn lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 68 Bộ luật Dân sự, khoản 3 Điều 27, điểm a khoản 2 Điều 35, Điều 370, Điều 371, Điều 372, Điều 388, Điều 389 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận đơn yêu cầu của bà Bùi Thị K về việc “Yêu cầu tuyên bố anh Phùng Ngọc T mất tích”.

Tuyên bố anh Phùng Ngọc T, sinh năm 1975, HKTT và nơi cư trú cuối cùng: Thôn Cộng Hòa, xã Thái Hòa, huyện Ba Vì, TP. Hà Nội mất tích.

Người yêu cầu được quyền kháng cáo quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định giải quyết việc dân sự hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết.

Nơi nhận:

-TAND TP. Hà Nội;

-VKSND huyện Ba Vì;

- Thi hành án dân sự huyện Ba Vì;

- Dương sự;

- Lưu HS, VP;

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Hoàng Trọng Đức

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 22-VDS:

- (1) Ghi tên Tòa án ra quyết định; nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi rõ tên Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam).
 - (2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm, ô thứ ba ghi ký hiệu loại quyết định (ví dụ: “Số: 20/2018/QĐST-KDTM”.
 - (3) Ghi loại việc dân sự mà Tòa án thụ lý giải quyết.
 - (4) Nếu việc dân sự do một Thẩm phán giải quyết thì không cần ghi nội dung này.
 - (5) Ghi họ tên, chức danh của Thư ký phiên họp.
 - (6) Ghi địa điểm diễn ra phiên họp (ví dụ: trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định).
 - (7) Ghi số, ký hiệu, ngày tháng năm thụ lý việc dân sự và loại việc dân sự mà Tòa án thụ lý giải quyết.
 - (8) Nếu người yêu cầu là cá nhân thì ghi rõ họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó; nếu là người chưa thành niên thì sau họ tên cần ghi thêm ngày, tháng, năm sinh của người đó; nếu là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức và địa chỉ trụ sở của cơ quan, tổ chức đó.
 - (9) Chỉ ghi khi có người đại diện hợp pháp của người yêu cầu và ghi họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó; ghi rõ là người đại diện theo pháp luật hay người đại diện theo ủy quyền của người yêu cầu; nếu là người đại diện theo pháp luật thì ghi chú trong ngoặc đơn quan hệ giữa người đó với người yêu cầu; nếu là người đại diện theo ủy quyền thì ghi chú trong ngoặc đơn “văn bản ủy quyền ngày ... tháng ... năm”
- Ví dụ 1: Ông Nguyễn Văn A, trú tại..... là người đại diện theo pháp luật của người yêu cầu (Tổng Giám đốc Công ty cổ phần xây dựng Tân Phước Thịnh).
- Ví dụ 2: Bà Lê Thị B, trú tạilà người đại diện theo ủy quyền của người yêu cầu (Văn bản ủy quyền ngày..... tháng.... năm....).
- (10) Chỉ ghi khi có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người yêu cầu và ghi họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó (nếu là Luật sư thì ghi là Luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào); nếu có nhiều người yêu cầu thì ghi cụ thể bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người yêu cầu nào.
 - (11) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (8).
 - (12) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (9).
 - (13) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (10).
 - (14) Ghi họ tên và địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người làm chứng.
 - (15) Ghi họ tên và địa chỉ nơi làm việc của người phiên dịch; nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ nơi cư trú.
 - (16) Ghi họ tên và địa chỉ nơi làm việc của người giám định; nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ nơi cư trú.

- (17) Ghi rõ những nội dung mà người yêu cầu yêu cầu Tòa án giải quyết.
- (18) Ghi nhận định của Tòa án và những căn cứ để chấp nhận hoặc không chấp nhận yêu cầu. Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].
- (19) Ghi rõ điểm, khoản, điều luật tương ứng của Bộ luật Tố tụng dân sự và pháp luật liên quan để ra quyết định.
- (20) Ghi các quyết định của Tòa án về giải quyết việc dân sự.
- (21) Ghi rõ những người phải nộp lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự và mức lệ phí mỗi người phải nộp; nếu thuộc trường hợp không phải nộp (hoặc được miễn, giảm) lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự thì ghi rõ là không phải nộp (hoặc được miễn, giảm) lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.
- (22) Ghi quyết định của Tòa án về quyền kháng cáo, kháng nghị của đương sự và Viện kiểm sát.
- (23) Chỉ ghi quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án theo quy định của Luật Thi hành án dân sự đối với những quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 482 Bộ luật Tố tụng dân sự.
- (24) Trường hợp việc dân sự do một Thẩm phán giải quyết thì ghi: